TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 413/2023/DS-PT
Ngày: 02/8/2023.
V/v tranh chấp: "Yêu cầu chia phần sở hữu riêng trong khối tài sản chung của hộ gia đình; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Mơ - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 7 và ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 539/2022/TLPT-DS ngày 30/12/2022 về việc tranh chấp: "*Chia phần sở hữu riêng trong khối tài sản chung của hộ gia đình và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DSST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐ-PT ngày 21/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Huỳnh N, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền của Huỳnh N: Võ Tuấn Vĩnh T, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Số E, P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (có văn bản xin vắng mặt)

Nguyễn Văn C, sinh năm 1969; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp K, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C:*
Luật sư Trần Ngọc Q – Đoàn luật sư tỉnh T; (có mặt)
Địa chỉ: A, Trần Công T1, khu phố B, phường E, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Lê Văn Ú, sinh năm 1973; (có mặt)
Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Tam N1, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của T: Võ Tuấn Vĩnh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số E, P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; (có văn bản xin vắng mặt)

Ngân hàng Thương mại cổ phần X;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L – Tổng giám đốc;

Địa chỉ trụ sở: Tầng H, Văn phòng S1+16 - Tòa nhà V, số G - L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Thanh S – Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh M2;

Địa chỉ: số G - G, L, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền lại: Ông Trần Ngọc C1 – Chức vụ: Phó phòng khách hàng Cá nhân kiêm nhiệm chức danh T2 nhóm bán hàng cá nhân tại phòng Khu công công nghiệp – Chi nhánh E;

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mộng T3 – Chi cục Trưởng;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn V – Chấp hành viên; (vắng mặt)

Địa chỉ: số B đường T, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Văn Ẩ, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Lê Văn T4, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Lê Thị T5, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Ủy quyền: Lê Văn T6, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trần Tấn P1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền: Lê Văn T6, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*. *Do có kháng cáo của:* Nguyên đơn Nguyễn Văn C; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Huỳnh N là ông Võ Tuấn Vĩnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Theo án sơ thẩm,* n*guyên đơn chị Lê Huỳnh N có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Tuấn Vĩnh T trình bày:*

Ông Lê Văn Ú là cha của chị Lê Huỳnh N và là đại diện hộ gia đình đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 16/10/2014 đối với diện tích 1228,5m^2, thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và trên đất có căn nhà;

Tại thời điểm hộ gia đình ông Lê Văn Ú được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014, trong hộ có các thành viên gồm: Lê Văn Ú, Nguyễn Thị Kim P, Lê Huỳnh N, Lê Tam N1. Hiện nay ông Ú, bà P đang thế chấp thửa đất trên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh M2, đồng thời là người phải thi hành án dân sự theo Quyết định thi hành án số 68/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.228,5m^2, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã bị cưỡng chế kê biên theo Quyết định số 05/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Chị Huỳnh N yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất diện tích 1.228,5m^2, thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho các thành viên trong hộ, phần chị Huỳnh N yêu cầu được nhận bằng hiện vật diện tích đất khoảng 307m^2, có giá trị ước tính khoảng 50.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ngày 10/02/2017, ông có nhận chuyển nhượng của hộ ông Lê Văn Ú phần đất chiều ngang 11,50m, chiều dài 65m, diện tích 747,5m^2 tại ấp E, xã P, huyện C (trong giấy tay ghi ấp 6), có tứ cận Đông giáp lộ 868, Tây giáp Kinh H, Nam giáp khách sạn S2 2, Bắc giáp đất Nguyễn Văn T7 với giá 1.150.000.000 đồng. Phần đất này nằm trong phần đất 1.228,5m^2 thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Văn Ú. Sau khi hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng bằng giấy tay thì ông Ú đã giao đất cho ông quản lý sử dụng và ông đã trả đủ tiền cho ông Ú. Hai bên thỏa thuận khi nào trả nợ ngân hàng xong thì ông Ú lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về sẽ làm thủ tục sang tên cho ông.

Ông C yêu cầu ông Ú, bà P, chị Tam N1, chị Huỳnh N phải làm thủ tục sang tên quyền sử dụng phần đất nêu trên cho ông.

* *Bị đơn ông Lê Văn Ú lời trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập của Lê Huỳnh N, Lê Tam N1 ông đồng ý, vì đất này khi vợ chồng ông mua có mượn nợ nhiều người, đến khi các con ông trưởng thành cũng có lao động để đóng góp phụ ông trả nợ, nên tôi đồng ý chia tài sản chung của hộ cho Huỳnh N, Tam N1. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C ông cũng đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C vì thời điểm đó ông có thiếu nợ nhiều người và vay ngân hàng nên có bán phần đất trên cho ông C, nên đối với yêu cầu khởi kiện của ông C ông đồng ý.

* *Bị đơn Nguyễn Thị Kim P trình bày:* Phần đất tranh chấp tại ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là do ông Lê Văn Ú đại diện hộ đứng tên trên giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay Lê Huỳnh N, Lê Tam N1 khởi kiện yêu cầu chia phần đất trên thì bà đồng ý chia cho con bà là Lê Huỳnh N, Lê Tam N1 là thành viên hộ gia đình, có đóng góp công sức với phần đất trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà P thống nhất với ý kiến trình bày của ông Ú, không bổ sung ý kiến gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Lê Tam N1 có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Tuấn Vĩnh T trình bày*:

Ông Lê Văn Ú là cha của chị Lê Huỳnh N và là đại diện hộ gia đình đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 16/10/2014 đối với diện tích 1.228,5m^2 thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và trên đất có căn nhà;

Tại thời điểm hộ ông Ú được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014 thì trong hộ có các thành viên gồm: Lê Văn Ú, Nguyễn Thị Kim P, Lê Huỳnh N, Lê Tam N1. Hiện nay ông Ú, bà P đang thế chấp thửa đất trên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh M2, đồng thời là người phải thi hành án dân sự theo Quyết định thi hành án số 68/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy; Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 1228,5m^2 tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã bị cưỡng chế kê biên theo quyết định cưỡng chế kê biên số 05/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Chị Lê Tam N1 yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất diện tích 1.228,5m^2 thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho các thành viên trong hộ, phần chị Tam N1 yêu cầu được nhận bằng hiện vật diện tích đất khoảng 307m^2, có giá trị ước tính khoảng 50.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T5 trình bày:* Năm 2017, bà T5 có cho ông Ú, bà P vay số tiền 2.950.000.000 đồng, do ông Ú, bà P không trả tiền nên bà có khởi kiện ra Tòa. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 318/2018/DS-PT ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xử buộc ông Ú, bà P phải trả cho bà số tiền trên;

Sau khi bản án có hiệu lực, bà làm đơn yêu cầu thi hành án, do ông Ú, bà P không tự nguyện thi hành án nên cơ quan thi hành án dân sự huyện C đã ra quyết định kê biên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Lê Văn Ú là đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 16/10/2014 đối với diện tích 1.228,5m^2 để làm thủ tục thi hành bản án cho bà;

Trong quá trình chờ thủ tục đấu giá, chị Huỳnh N, chị Tam N1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản hộ gia đình. Theo bà được biết thì phần đất này có nguồn gốc từ việc ông Ú nhận chuyển nhượng của anh Trần Quốc T8 vào ngày 23/7/2009, như vậy thời điểm ông Ú nhận chuyển nhượng phần đất này thì chị

Huỳnh N mới 14 tuổi, chị Tam N1 mới 08 tuổi không có công sức đóng góp gì để tạo lập tài sản của hộ. Mục đích của Tam N1 và Huỳnh N khởi kiện để né tránh việc thi hành án. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ẩ trình bày:*

Ông Ú, bà P có nợ ông số tiền 1.500.000.000 đồng, do ông Ú, bà P không trả nên ông có khởi kiện và được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 119/2018/QĐST-DS ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy;

Sau khi quyết định có hiệu lực ông làm đơn yêu cầu thi hành án, do ông Ú, bà P không tự nguyện thi hành nên ngày 12/12/2018 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy tiến hành kê biên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Lê Văn Ú là đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 16/10/2014 đối với diện tích 1.228,5m^2 để làm thủ tục thi hành quyết định cho ông.

Trong quá trình chờ thủ tục đấu giá thì chị Huỳnh N, Tam N1 khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu chia tài sản hộ gia đình. Theo ông được biết thì phần đất này có nguồn gốc từ việc ông Ú nhận chuyển nhượng của anh Trần Quốc T8 vào ngày 23/7/2009, như vậy thời điểm ông Ú nhận chuyển nhượng phần đất này thì chị Huỳnh N mới 14 tuổi, chị Tam N1 mới 08 tuổi không có công sức đóng góp gì để tạo lập tài sản của hộ. Mục đích của Tam N1 và Huỳnh N khởi kiện để né tránh việc thi hành án. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T4 trình bày:*

Ông Ú, bà P có nợ ông số tiền 5.500.000.000 đồng, do ông Ú, bà P không trả nên ông có khởi kiện và được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 09/2019/QĐST-DS ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy. Sau khi quyết định có hiệu lực ông làm đơn yêu cầu thi hành án, do ông Ú, bà P không tự nguyện thi hành nên ngày 12/12/2018 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy tiến hành kê biên phần đất thửa số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Lê Văn Ú là đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 16/10/2014 đối với diện tích 1.228,5m^2 để làm thủ tục thi hành quyết định cho ông.

Trong quá trình chờ thủ tục đấu giá thì chị Huỳnh N, Tam N1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản hộ gia đình. Theo ông được biết thì phần đất này có nguồn gốc từ việc ông Ú nhận chuyển nhượng của anh Trần Quốc T8 vào ngày 23/7/2009, như vậy thời điểm ông Ú nhận chuyển nhượng phần đất này thì chị Huỳnh N mới 14 tuổi, chị Tam N1 mới 08 tuổi không có công sức đóng góp gì

để tạo lập tài sản của hộ. Mục đích của Tam N1 và Huỳnh N khởi kiện để né tránh việc thi hành án. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tấn P1 có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T6 trình bày:*

Năm 2017, anh P1 có cho ông Ú, bà P vay số tiền 1.300.000.000 đồng, do ông Ú, bà P không trả tiền nên anh P1 có khởi kiện ra Tòa. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 25/2019/DS-PT ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xử buộc ông Ú, bà P phải trả cho anh P1 số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.449.500.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực, anh P1 làm đơn yêu cầu thi hành án, do ông Ú, bà P không tự nguyện thi hành án nên cơ quan thi hành án dân sự huyện C đã ra quyết định kê biên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Lê Văn Ú là đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 16/10/2014 đối với diện tích 1.228,5m^2 để làm thủ tục thi hành bản án cho anh P1.

Trong quá trình chờ thủ tục đấu giá thì chị Huỳnh N, Tam N1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản hộ gia đình. Theo anh được biết thì phần đất này có nguồn gốc từ việc ông Ú nhận chuyển nhượng của anh Trần Quốc T8 vào ngày 23/7/2009, như vậy thời điểm ông Ú nhận chuyển nhượng phần đất này thì chị Huỳnh N mới 14 tuổi, chị Tam N1 mới 08 tuổi không có công sức đóng góp gì để tạo lập tài sản của hộ. Mục đích của Tam N1 và Huỳnh N khởi kiện để né tránh việc thi hành án. Anh P1 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để tránh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh.

** Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh M2 có ông Lê Minh H – Chức vụ: Giám đốc Eximbank Phòng giao dịch C2 trình bày:*

Ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến trước đây của Ngân hàng. Cơ quan thi hành án đã xử lý tài sản thế chấp là khách sạn S2 và Ngân hàng đã thu hồi nợ, hiện ông Ú, bà P còn nợ lại Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 770.872.067đ. Yêu cầu hộ gia đình ông Ú phải tiếp tục trả phần tiền nợ còn lại cho Ngân hàng, còn đối với các yêu cầu khởi kiện thì Ngân hàng không có ý kiến gì khác.

** Ông Trần Văn V – là đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, có ý kiến trình bày như sau:*

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang thụ lý thi hành quyết định thi hành án số 68/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2018. Nội dung quyết định buộc ông Lê Văn Ú, bà Nguyễn Thị Kim P liên đới trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T5 số tiền 2.950.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án. Ngoài ra ông Ú, bà P còn phải thi hành 07 quyết định thi hành án khác với số tiền phải thi hành là 8.681.250.000 đồng, tổng cộng là 11.631.250.000 đồng;

Ông Ú, bà P có tài sản là diện tích đất hai thửa số 05 và thửa số 19, tờ bản đồ số 25 và tài sản gắn liền với 02 thửa đất trên đã được thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần X – chi nhánh M2. Do ông Ú, bà P không tự nguyện thi hành nên ngày 12/12/2018 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy tiến hành kê biên quyền sử dụng đất thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.228,5m^2, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Ngày 07/01/2020 Chấp hành viên đã ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá số 04/2020/HĐDV.ĐGTS bán đấu giá thửa đất trên. Ngày 10/3/2020, ông Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu ông Ú và các thành viên trong hộ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 747,5m^2 thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.228,5m^2 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Việc kê biên tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 33 của Chấp hành viên để đảm bảo thi hành án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật. Mặt khác tài sản hộ của ông Ú, bà P đang thế chấp ngân hàng nên hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Ú, bà P và ông C là không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông C về việc yêu cầu hộ ông Ú tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đồng thời bác đơn yêu cầu chia tài sản hộ gia đình của Huỳnh N, T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M (đã chết vào năm 2020), nhưng có ông Nguyễn Thành M1 là chồng bà M có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

Ông là chồng bà M, nguyên trước đây vào năm 2019 vợ ông có thuê mặt bằng của ông Nguyễn Văn C trên phần đất tranh chấp, giá thuê là 2.500.000đ/tháng. Nhưng đến ngày 09/11/2020 bà M đã chết, từ đó ông không còn thuê nữa, nên gia đình không còn liên quan gì trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DSST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng các điều 116, 119, 122, 129, 131, 212, 320, 357, 468 của Bộ luật dân sựĐiều 167, Điều 188 Luật đất đai;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huỳnh N có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Tuấn Vĩnh T về việc yêu cầu chia phần sở hữu riêng trong khối tài sản chung của hộ gia đình đối với diện tích đất khoảng 307m^2 thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.228,5m^2 (diện tích đo đạc thực tế 1.228,3m^2) tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 cho hộ ông Lê Văn Ú vào ngày 16/10/2014.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/02/2017 viết tay) giữa ông Nguyễn Văn C và hộ ông Lê Văn Ú (thành viên trong hộ gồm: ông Lê Văn Ú, bà Nguyễn Thị Kim P, chị Lê Huỳnh N, chị Lê Tam N1) là vô hiệu.

Buộc hộ ông Lê Văn Ú phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ giao trả lại cho hộ ông Lê Văn Ú phần đất có diện tích chiều ngang 11,50m, chiều dài 65m, diện tích 747,5m^2, phần đất này nằm trong phần đất có diện tích 1.228,5m^2 thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 cho hộ ông Lê Văn Ú vào ngày 16/10/2014, có tứ cận: Đông giáp đường tỉnh lộ 868; Tây giáp Kinh Hội Đồng; Nam giáp khách sạn S2 (phần đất còn lại của thửa 33); Bắc giáp đất Nguyễn Văn T7.

Thực hiện việc giao trả tiền và giao trả đất song song cùng lúc ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu thi hành án nếu hộ ông Lê Văn Ú chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Lê Tam N1 có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Tuấn Vĩnh T về việc yêu cầu chia phần sở hữu riêng trong khối tài sản chung của hộ gia đình đối với diện tích đất khoảng 307m^2 thuộc thửa số 33, tờ bản đồ 14, diện tích 1.228,5m^2 (diện tích đo đạc thực tế 1.228,3m^2) tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 cho hộ ông Lê Văn Ú vào ngày 16/10/2014.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự;

*. Ngày 10/10/2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Huỳnh N là ông Võ Tuấn Vĩnh T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ theo theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Huỳnh N;

*. Ngày 10/10/2022, nguyên đơn Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn C;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Huỳnh N là ông Võ Tuấn Vĩnh T có văn bản xin vắng mặt và thể hiện ý chí bằng văn bản có nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Huỳnh N;

Nguyên đơn Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn C;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Văn C đưa ra nhiều luận cứ cho rằng diện tích đất đang tranh chấp và bị kê biên thi hành án là tài sản chung của hộ nên cần phải chia tài sản chung của hộ cho các thành viên trong hộ gia đình. Việc thành viên hộ gia đình ông Lê Văn Ú đã ký hợp động chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 2017 là trước khi các bản án có hiệu lực pháp luật và trước khi ông Ú vay ngân hàng. Hộ gia đình ông Ú đã giao phần đất chuyển nhượng cho ông C quản lý sử dụng từ năm 2017 cho đến hiện tại, ông Ú đã nhận tiền từ ông C. Do đó để bảo vệ quyền lợi người thứ ba ngay tình nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/02/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Huỳnh N, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Huỳnh N, Nguyễn Văn C thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Chia phần sở hữu riêng trong khối tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* được quy định tại các điều 219, 500 Bộ luật Dân

Sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 10/10/2022 của chị Lê Huỳnh N, ông Nguyễn Văn C và biên lai nộp tạm ứng án phí thì chị Huỳnh N, ông C kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có vắng mặt, nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của chị Lê Huỳnh N về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 16/10/2014 cho hộ ông Lê Văn Ú đối với diện tích 1228,5m^2, thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ vào trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn Ú vào ngày 24/9/2009 và trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/10/2014 đối với diện tích 1228,5m^2, thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ vào lời trình bày của ông Ú thì thửa đất tranh chấp do ông cùng vợ là bà P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Trần Quốc T8 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009;

Căn cứ tại thời điểm năm 2009 khi ông Ú được cấp quyền sử dụng đất, chị Huỳnh N, chị Tam N1 là người chưa thành niên, còn đi học, sống phụ thuộc vào vợ chồng ông Ú;

Như vậy có đủ cơ sở xác định là thửa đất đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng ông Ú, bà P được hình thành trong thời kỳ hôn nhân.

Tại thời điểm ngày 24/9/2009, hộ ông Ú được cấp quyền sử dụng đất thì chị Huỳnh N được 14 tuổi, chị Tam N1 được 08 tuổi đang còn đi học, nên không có công sức đóng góp gì vào phần đất tranh chấp này;

Ông Ú cho rằng do ông mượn nợ để mua đất sau này chị Huỳnh N, Tam N1 đi làm có phụ ông tiền để trả nợ, lời trình bày này của ông Ú là không có căn cứ;

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Lê Huỳnh N về việc yêu cầu chia tài sản chung của hộ là quyền sử dụng đất.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/02/2017 giữa ông Nguyễn Văn C và hộ ông Lê Văn Ú gồm: Lê Văn Ú, Nguyễn Thị Kim P, Lê Huỳnh N, Lê Tam N1. Hình thức của hợp đồng là hợp đồng tay chưa được công chứng, chứng thực;

Căn cứ vào lời thừa nhận của ông C là ông nhận chuyển nhượng thửa đất tranh chấp này với giá là 1.150.000.000 đồng, ông đã trả tiền cho ông Ú và ông Ú đã giao phần đất trên cho ông quản lý sử dụng từ đó đến hiện tại;

Ông C cũng thừa nhận việc chưa là thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định vì ông Ú đang thế chấp quyền sự dụng đất tranh chấp để vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần X – chi nhánh M2 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 102/EIB-CL/TC/2016, ngày 16/12/2016.;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Phần đất đang tranh chấp trên đang được ông Ú thế chấp để vay nợ ngân hàng, ông C biết sự việc trên nhưng vẫn lập hợp đồng tay để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Ú trong khi không thông qua ý kiến của Ngân hàng là pháp nhân đang nhận thế chấp từ ông Ú;

Do đó, việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và hộ ông Ú đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp người thứ ba nên giao dịch dân sự trên bị vô hiệu và các bên phải hoàn trả những gì đã nhận;

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết một phần hậu quả khi tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và thiệt hại xảy ra;

Như vậy, căn cứ vào chứng thư thẩm định giá ngày 29/5/2023 của Công ty Cổ phần giám định thẩm định S thì giá trị quyền sử dụng đất là 2.617.766.200 đồng và công trình xây dựng trên đất là 250.592.026 đồng, tổng cộng là 2.868.358.226 đồng; Các đương sự có mặt tại phiên tòa đều thống nhất theo định giá này và không có khiếu nại hoặc yêu cầu gì đối với kết quả thẩm định giá này;

Vì thế thiệt hại khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu là 1.718.358.226 đồng;

Về lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu: Như đã nhận định như trên là phần đất đang tranh chấp nêu trên đang được ông Ú thế chấp để vay Ngân hàng, ông C biết sự việc trên nhưng vẫn lập hợp đồng tay để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Ú trong khi không thông qua ý kiến của Ngân hàng là pháp nhân đang nhận thế chấp từ ông Ú;

Vì thế các bên đều có lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu thì phải chịu thiệt hại xả ra. Tuy nhiên, ông Ú biết rằng tài sản đang được thế chấp tại Ngân hàng khi chuyển nhượng phải có sự đồng ý của người nhận thế chấp, đảm bảo cho việc

thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C; Ông C cũng có lỗi trong việc biết tài sản đang được thế chấp và không có sự đồng ý của bên nhận thế chấp, hợp đồng bằng giấy tay, chấp nhận sự rủi ro khi thực hiện hợp đồng nên ông C cũng có lỗi trong việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên phải chịu một phần thiệt hại khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu;

Do đó ông Ú và ông C đều phải chịu một phần hai thiệt hại khi hợp đồng bị vô hiệu nên mỗi bên phải chịu 859.179.113 đồng;

Do đó hộ ông Ú phải hoàn trả cho ông C 1.150.000.000 đồng là số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 859.179.113 đồng là số tiền thiệt hại khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu. Tổng cộng là 2.009.179.113 đồng.

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Huỳnh N, ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định;

[5]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 219, 500, 116, 119, 122, 123, 131, 212, 357, 468 của Bộ luật dân sự

Áp dụng Điều 167, Điều 188 Luật đất đai;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Huỳnh N, ông Nguyễn Văn C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DSST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huỳnh N có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Tuấn Vĩnh T về việc yêu cầu chia phần sở hữu riêng trong khối tài sản chung của hộ gia đình đối với diện tích đất khoảng 307m^2 thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.228,5m^2 (diện tích đo đạc thực tế 1.228,3m^2) tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 cho hộ ông Lê Văn Ú vào ngày 16/10/2014.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/02/2017 viết tay) giữa ông Nguyễn Văn C và hộ ông Lê Văn Ú (thành viên trong hộ gồm: ông Lê Văn Ú, bà Nguyễn Thị Kim P, chị Lê Huỳnh N, chị Lê Tam N1) là vô hiệu.

Buộc hộ ông Lê Văn Ú gồm: Lê Văn Ú, Nguyễn Thị Kim P, Lê Huỳnh N, Lê Tam N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 2.009.179.113 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ giao trả lại cho hộ ông Lê Văn Ú phần đất có diện tích chiều ngang 11,50m, chiều dài 65m, diện tích 747,5m^2, phần đất này nằm trong phần đất có diện tích 1.228,5m^2 thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 14, tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 cho hộ ông Lê Văn Ú vào ngày 16/10/2014, có tứ cận: Đông giáp đường tỉnh lộ 868; Tây giáp Kinh Hội Đồng; Nam giáp khách sạn S2 (phần đất còn lại của thửa 33); Bắc giáp đất Nguyễn Văn T7 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất gồm: Nền nhà, hồ cá, tường rào, cổng rào, hàng rào phía trước, mái che có vách, mái che không vách, cát san lấp (theo chứng thư thẩm định giá ngày 29/5/2023);

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu thi hành án nếu hộ ông Lê Văn Ú chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Lê Tam N1 có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Tuấn Vĩnh T về việc yêu cầu chia phần sở hữu riêng trong khối tài sản chung của hộ gia đình đối với diện tích đất khoảng 307m^2 thuộc thửa số 33, tờ bản đồ 14, diện tích 1.228,5m^2 (diện tích đo đạc thực tế 1.228,3m^2) tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01384 cho hộ ông Lê Văn Ú vào ngày 16/10/2014.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị Huỳnh N đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0005017 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại cho chị Huỳnh N số tiền 950.000 đồng;

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005205, ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chị Lê Tam N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Tam N1 đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005638, ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên hoàn lại cho chị Tam N1 số tiền 2.200.000 đồng.

Hộ ông Lê Văn Ú (gồm ông Lê Văn Ú, bà Nguyễn Thị Kim P, chị Lê Huỳnh N và chị Lê Tam N1) phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 72.275.373 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Huỳnh N, ông Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà chị N, ông C mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016758 ngày 12/10/2022 và biên lai thu số 0016849 ngày 26/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 15 phút ngày 02/8/2023, có mặt ông C, đại diện Ngân hàng, bà T5 và anh T6.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***. Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu